TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02 - 4 - 2019
V/v chị H xin ly hôn anh Th

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng

2. Ông Đàm Văn Kiều

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019. Về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thu H - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm Hồng Phúc, xã M, huyện M, tỉnh N.

+ Bị đơn: Anh Trần Anh Th - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 24/12/2018 cũng như lời khai của chị Bùi Thị Thu H trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Anh Th vào tháng 01/2014 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã xã M, huyện M

tỉnh N. Sau khi kết hôn chị và anh Th chung sống hòa Th hạnh phúc được một thời gian sau đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do chị và anh Th bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân nên thường xảy ra cãi chửi nhau. Từ tháng 3/2016 đến nay chị và anh Th sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Th không còn nên chị xin được ly hôn anh Trần Anh Th. Về con chung giữa chị và anh Trần Anh Th không có nên chị không yêu cầu giải quyết về con chung. Về tài sản chung giữa chị và anh Th thì chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay anh Trần Anh Th vắng mặt nhưng có lời khai của ông Trần Văn Th là bố đẻ của anh Trần Anh Th trong quá trình giải quyết trình bày đúng như lời khai của chị H về quá trình kết hôn và sống chung giữa anh Th và chị H. Anh Th và chị H có mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 đến nay. Giữa anh Th và chị H không có con chung và tài sản chung. Nay chị H xin ly hôn anh Th thì anh Th có ý kiến lại với gia đình ông là không nhất trí ly hôn chị H vì là gia đình công giáo. Gia đình ông đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã giao đầy đủ cho anh Th nhưng anh Th bận công việc nên không đến Tòa án giải quyết vụ án được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử ly hôn giữa chị Bùi Thị Thu H và anh Trần Anh Th. Về án phí dân sự sơ thẩm buộc chị H phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Anh Th cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh N, chị Bùi Thị Thu H cư trú tại xã M, huyện M, tỉnh N. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh Trần Anh Th và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Phía anh Th vắng mặt tại phiên nhưng anh Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ phiên tòa lần

thứ hai. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Th là phù hợp với khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị Thu H và anh Trần Anh Th được tổ chức kết hôn vào tháng 01/2014, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã xã M, huyện M, tỉnh N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị H và anh Th chung sống hòa Th hạnh phúc được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H và anh Th không hợp tính nhau nên thường xảy ra cãi chửi nhau. Từ tháng 3/2016 đến nay chị H và anh Th sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu Th vợ chồng giữa chị H và anh Th đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị H xin được ly hôn anh Th nên chấp nhận là phù hợp. Xét việc anh Th không nhất trí ly hôn chị H với lý do tôn giáo thấy không có cơ sở nên yêu cầu của anh Th không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị Thu H và anh Trần Anh Th không có con chung và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Thu H và anh Trần Anh Th không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Bùi Thị Thu H phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị Thu H và anh Trần Anh Th.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm chị Bùi Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Bùi Thị Thu H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: BB/2012/06375 ngày 07/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Bùi Thị Thu H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho chị H biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Văn Rạng **Đàm Văn Kiều** **Trần Xuân Dũng**